

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KỲ SƠN

BẢNG CHẤM CÔNG THÁNG

4/2021

Họ tên	Bộ phận	1	2	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16	19	20	22	23	26	27	28	29	Tổng
LÊ HỮU PHONG	KSNK	8.43	6.83			8.53	8.33	8.37	8.4	8.4	8.33	8.5	8.4	4.4	8.47	8.63	8.43	8.3	8.4	8.33	6.23	18
TRẦN TUẤN ANH	KSNK	8.5		8.4	8.47	8.6			8.37	8.43		3.83	4.47	8.53	8.5			8.23	8.47	8.27	8.43	14
VANG VĂN Ý	KSNK	8.37	8.33	8.17	8.3	8.3	8.43	4.23	8.37	8.17	8.23	8.2		8.6	8.53	8.67	8.93	4.63	8.4			17
TỔ KSNK Count	3																					
LƯƠNG VĂN HIẾU	TCHC			8.97	7.87	8.1	7.97	8.8	8.5	8.27	8	8.3	8.93	8.93	7.67	7.87	8.47	9	8.07	8.27	8.07	18
LA VĂN VIỆT	TCHC	8.43	8.33	8.4	5.23	8.2	8.4	8.33	8.23	8.23	8.23	8.4	8.47	8.4	8.47	8.43	8.03	8.47	8.47	8.43	8.4	20
Phòng TCHC Count	2																					
LA BÁ HÙNG	TCKT	8.2	8.27	8.3	8.1	8.13	8	5.03	8.37	8.2	8.1	8.13	8.43	8.63	8.47	8.53	8.6	8.5	8.67	8.47	8.13	20
NGUYỄN THỊ HỒNG SƠN	TCKT	8.37	8.2	8.23	8.3	8.37	8.13	8.17	8.37	8.33	8.3	8.17	8.47	8.7	4	8.53	8.37	8.47	8.37	8.47	8.27	20
VY THỊ THỦY	TCKT	8.1	8.3	8.4	8.23	8.3	8.07	7.93	8.2	8.2	8.33	8.37	8.5	8	8.43	8.43	8.6	8.5	8.43		8.43	19
LƯƠNG QUÝ MẠNH	TCKT	8.57	3.2	8.27	3.6	8.47	7.7	8.33	7.47	7.17	7.53	7.53	7.23	7.33	7.47	7.3	7.33	7.93	7.47	5.37		19
LÊ THỊ NGỌC NA	TCKT	8.53	8.5							5.53	3.03	8.47	8.6	8.5	8.57	8.7	8.73	8.57	8.6		8.57	13
Phòng TCKT Count	5																					
NGUYỄN HỒNG LÂM	KHTH	8.17	7.93	8.23	8.17	8.4	8.33	8.37	8.4	8.33	5.07	5.1	8.53	7.43	8.57	8.3	8.6	8.63	8.57	8.6	3.63	20
Phòng KHTH Count	1																					
LƯƠNG THỊ THƯƠNG	KKB																					0
LÔ THỊ MỸ KIM	KKB	8.1	8.3	8.33	8.1	8.3	8.17	8.23	8.13	8.13	8.33	8.37	8.8	8.4	8.5	8.5	8.47	8.47	8.43	8.47	8.43	20
HỒ Y CHÙA	KKB	7.67	7.77	7.43	7.8	7.77	8.07	7.63	4.97	7.5	8.07	8.17		8.83	5.33	8.23	5.27	8.33	8.47	8.3	7.43	19
NGUYỄN THỊ HUỆ	KKB	8.47	8.63	8.5	8.43	8.37	8.43	4.53	8.43	8.57	8.37	8.07	8.47	8.73	8.7		8.63	8.7	8.77	8.67	8.13	19
GIÀ BÁ SÔ	KKB	8.27	8.13	3.93	8.27	7.97	8.27	8.27	8.3	8.27	8.27	8.27	8.73	8.53	5.57	8.57	8.63	8.6	8.53	8.5	5.3	20
KHA BÚN MY	KKB	8.43	8.73	8.37	9.07	8.5	8.7	8.47	8.53	8.53	8.6	3.33	8.77	8.77	8.63	8.77	9.2	8.73	8.63	8.67	8.17	20
LỮ THỊ THẢO	KKB	8.07	8.07	8.33	8.07	8.07	8.1	8.07	8.13	8.2	8.23	7.97	8.27	8.33	8.43	8.3	8.27	8.27	8.13	8.3	8.27	20
KHA THỊ HẢI	KKB		8	7.93	7.8	7.83	8.4	7.83	8	7.9	8.2	4.7		8.3	5.33	8.43	8.27	7.87	8.03	8.1	8	18
LÊ THỊ DUNG	KKB	2.5	8.7	8.53	8.37	8.5	8.43	8.5	8.73	8.97	8.4	8.2	9.03	8.8	5.97	8.7	8.27	8.6	8.73	9.17	4.43	20
PHẠM THỊ HỒNG THẨM	KKB			8.37	8.37	8.3	8.23	8.37	8.47	8.47	8.43	8.37	8.6	8.67	8.27	8.67	8.6	8.63	8.63		8.43	17
LẦU BÁ LẦU	KKB	8.43	8.53	8.4	8	8.43	8.57	4.5	8.37	8.33	8.4	8.47	8.53	4.7		8.53	8.5	8.57	8.57	8.6	8.47	19

MOONG VĂN SƠN	KKB	8.6	8.63	8.13	8.2	8.47		8.4	8.4	8.33	8.43	8.17	8.6		8.43	9	8.33	8.83	8.67	2.83	4.7	18
CẨM THỊ DẪN	KKB													8.57	8.47	8.43	8.47	8.5	8.5	8.67	8.5	8
TRẦN XUÂN SƠN	KKB	8.3		8.73			8.3	8.43	8.33	8.33	9.03	8.2	8.4	8.6	4.03	8.6	8.57		8.27	4.43	8.53	16
Khoa Khám Bệnh Count	14																					
LẦU Y XÀI	K Dược																					0
NGUYỄN TIẾN HÙNG	K Dược	8.67	7.43							8.53	8.73	8.1	6.83	8.53	8.93	7.1						9
NGUYỄN CÔNG HỮU	K Dược	8.63	4.47	8.7	8.63	8.53	4.17		8.7	8.67	8.6	5.3	4.5	8.9	8.67	8.63	4.67		8.8	8.53	4.73	18
KHA THỊ DUNG	K Dược	8.23	8.27	8.53	8	8.17	8.27	8.13	8.33	8.3	8.2	3.37	8.6	8.53	8.5	8.57	8.27	8.37	8.5	8.33	8.5	20
NGUYỄN THỊ NGUYỄN	K Dược													7.47	7.6	7.67	1.8		7.53	7.57		6
Khoa Dược Count	5																					
VI ĐẠI TIẾN	K Ngoại																					0
MOONG THỊ THỦY TIÊN	K Ngoại	8.27	8.2	8.6	5.13	8.37	8.4	8.43	8.4	8.4	4.87	8.5	8.67	8.77	4.73	9.13	8.73	8.53	8.53	8.67	8.77	20
LÔ THỊ KÈO	K Ngoại																					0
VI THỊ VÂN	K Ngoại	8.3	8.57	8.23	8.13	8.43	7.87	8.27	8.33	8.53	8.4	8.23	8.53	8.57	8.53	8.57	8.5	8.37	8.33			18
GIÀ Y LÝ	K Ngoại	8.43	8.43	8.53	8.37	8.1	8.43		8.37	8.47	8.43	8.47	4	8.37	4.73	8.47	8.4	8.43	8.47	8.4	8.47	19
LƯƠNG THỊ HUYỀN THẢO	K Ngoại	8.03	8.17	8.33	5.17	8.57	8.4	8.9	8.27	8.3	8.17	5.53	8.2	8.63	8.5	8.3	8.47	8.57	8.53	8.77	4.3	20
VI THÁI BÌNH	K Ngoại	8.27	8.1	8.73	5.2	8.27	8.53	8.13	8.47	8.53	8.67	8.33	8.2	8.53	8.6	8.67		8.37	8.33	8.47	8.43	19
VI VĂN HÙNG	K Ngoại	8.43	8.4	8.43	5.17	8.43	8.53	8.6	8.53	8.6	8.37	8.47	8.63	8.67	8.8	8.63	8.63	8.67	8.63	8.7	8.67	20
LƯƠNG ĐÌNH ĐẠT	K Ngoại	8.8	8.67	8.93	8.67	8.57	4.63	8.63	8.67	8.8	8.57	4.27	8.37	8.77	9.1	8.87	4.73	8.77	8.7	8.77	1.7	20
HỒ THỊ HÒE	K Ngoại		8.37	8.47	8.4				5.7													4
NGUYỄN PHÙNG TƠM	K Ngoại	8.6	8.57	8.73	8.77	8.53	8.63	8.33	8.4	8.5	8.57	8.4	8.53	8.9		8.8	8.8	8.73	8.67	8.67	8.93	19
NGUYỄN THIỆN HOÀNG	K Ngoại																					0
KHA THỊ TÂM	K Ngoại	7.57		8.57	5.53	8.47	8.57	8.47	8.47	8.53	8.53	8.5	8.63	8.83	8.67	8.7	8.67	8.7	8.77	8.73	4.73	19
KHA VĂN KHÁNH	K Ngoại			7.7	8.37	8.33	8.2	5.13	8.63	5.17	8.53		8.73	8.6	8.63	8.8		4.07	8.9	8.57	8.5	16
MÙA Y DÌA	K Ngoại	8.4	5.27		8.23	7.1	8.1	7.27	7.77	7.43	8.4	4.63	8.03	8.03	8.07	8.53	8.6	8.13	7.9	8	7.8	19
NGUYỄN TIẾN DŨNG	K Ngoại	8.63	8.37	8.23	8.5	8.23	8.73	8.5	8.53	8.33	8.63	8.37	8.37	8.67	8.5	8.97	8.43	8.63	8.77	8.37	8.3	20
VI KHẮC TIỆP	K Ngoại	8.6		8.77	5.5	8.6	8.37	8.47		8.4	8.47	8.77	8.8	8.73		8.67	8.67	8.93		8.63	5.47	16
LÔ THỊ HẠNH	K Ngoại	8.4	5.13	8.53	5.13	8.5	8.43	8.37	8.53	8.4	8.53	8.57	4.6	8.5	5.6	8.63	8.6	8.17	2.97	8.77	8.63	20
KHA THỊ THỦY	K Ngoại																					0
Khoa Ngoại 3CK Count	19																					
NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	K Nội	8.33	8.27	8.27	8.27	8.27			8.3	7.77	8.2	8.07	8.13	8.43	8.53	8.5		8.5	8.47	8.6		16

VI THỊ KIM	K Nội																						0
VỪ BÁ CỜ	K Nội	8.63	8.3	8.37	8.27	5.03	4.57	8.47	8.43	8.5	8.43	8.67	8.57	8.7	8.47	5.67	9.37	8.6	8.5	8.73	8.43	20	
VI THỊ ĐÍ	K Nội	8.23	8.57	8.07	8.3	8.03	8.37	8.13	8	8.43	8.23	8.17	8.4	8.5	8.73	8.63	8.43	8.63	8.33	8.27	8.37	20	
NGUYỄN THỊ DUYÊN AN	K Nội																						0
CỤT THỊ HỒNG THẨM	K Nội																						0
MOONG THỊ NGỌC	K Nội	8.33	5.67	8.4	8.03	8.17	8.4	7.83	8.43	8.17	8.1	5.4		8.77	8.03		8.27	4.37	8.37	7.67	8.07	18	
XÔNG BÁ TỬA	K Nội	8.7	8.6	9.03	8.73	8.63	8.73	8.6	8.73	8.63	8.4	3.83	8.8	8.33				8.43	8.67	8.93	8.97	17	
VỪ BÁ TU	K Nội	8.57	9.3		8.43	8.73	8.43	4.53						8.87	9.33	8.87	4.87	8.83	8.67	9.2	8.57	14	
LƯƠNG THỊ HÓM	K Nội																					0	
LƯƠNG VĂN HOÀNG	K Nội	8.3	8.43	8.47	8.47	8.47	8.3	8.5	8.07	8.33	8.43		8.7	5	8.43	8.53		8.4	8.93	8.43	8.37	18	
LƯƠNG THỊ HẰNG	K Nội																					0	
LẦU Y GIỎ	K Nội	8.4	7.63	8.4	8.4	8.27	8.67	8.43	8.33	7.43	8.23	8.47	8.57	8.57	5.1	8.87	8.53	8.63	8.5	8.6	8.5	20	
HỜ Y SÙA	K Nội	8.37	8.4	8.07	8.37	8.43	8.67	8.47	8.5	8.4	8.63	8.33	8.3	8.1	8.5	8.3	8.43	2.13	8.77	8.23	5.3	20	
ĐẶNG THỊ LƯƠNG	K Nội	8.4	8.47	8.43	8.27	8.37	4.97	8.4	8.47	8.63	8.5	8.63	8.57	8.67	5.6	8.67	8.63	8.73	8.6	8.57	8.53	20	
VỪ BÁ PHIA	K Nội					8.1	8.23	8.47	7.73	8.27	7.67	8.43	8.3	8.57	8.6	8.53	4.47	8.37	8.33	8.57	8.43	16	
VŨ THỊ ÁNH	K Nội																					0	
LƯƠNG XUÂN QUY	K Nội	5.03	5.03	5.03	4.97	5.1	5.1	5.1	5.03	5.1	5	4.93	5.47									12	
HẤP TRÀ GIANG	K Nội		8.5	8.67	8.33	8.3	8.3	8.7	8.37	8.4	8.37	8.13	5.67	8.6	5.77	8.7	8.57	8.73	8.8		8.6	18	
NGUYỄN THỊ HẠNH	K Nội																					0	
NGUYỄN KHẮC LÂM GIANG	K Nội	8.37	8.33							8.37	8.4	8.27	8.63	3.87	8.73	8.57	8.47	6.93	8.63	8.63	3.97	14	
LÊ THỊ HIỀN	K Nội																					0	
NGUYỄN VĂN NGA	K Nội	8.27	8.23	8.33	8.37	8.2	8.2	8.33	8.23	8.33			8.27	8.5	8.5	8.53	8.57	8.53	8.57		8.43	17	
VỖ THỊ THẨM	K Nội	9.47	8.27		8.37	8.27	8.3		3.87	8	8.27	3.9	6.73	8.5	8.53	4.13		8.53	8.6	8.53	8.33	17	
LÔ THỊ KIM CHI	K Nội	9.37	8.03	8.37	9.4			8.37	8.33		8.3	9.47	8.5		8.57	8.4	8.37					12	
LÔ THỊ HẰNG B	K Nội	8.27	8.27	8.33	8.27	8.3	8.43	3.27	8.43	8.33	8.3	8.3	8.9	8.57	5.57	8.53	8.57	8.87	4.7	8.57	8.5	20	
ĐOÀN ĐẠI PHÚC	K Nội																					0	
KHA THỊ HÀ	K Nội	8.9	8.3		8.23	8.3	4.8	8.33	8.37	8.4	8.37	8.33	8.77		8.5	8.5	8.73	8.8	8.63	8.57	8.6	18	
VI VĂN KHƯƠNG	K Nội		8.43	8.5	8.33	8.53	8.33	8.57	4.83	8.43	8.5	8.83		8.6	7.87	8.5	8.67	8.53	8.43	8.6	8.4	18	
Khoa Nội Nhi Count	29																						
LÔ THỊ HẰNG A	CSSKSS		8.27	8	8.13	4.5		8.47	3.3	8.27	8.53	8.47	8.73		8.47	8.8	4.57	8.5	7.97	8.27	8.8	17	
LỮ THỊ HƯƠNG	CSSKSS	5.23	8.33	8.33	8.5	8.23	8.47	8.37	8.4	5.73	8.63	8.23	8.33	8.77	8.27	8.77	8.6	8.5	8.8		8.57	19	

VI THỊ LÊ	CSSKSS	7.7	8.53	8.37	7.67	7.77	7.77	8.43	8.5	7.9	7.7	8.33	7.83	7.9	7.93	8.5	4.47	7.77	8.6	8	8.53	20
LÔ THỊ CÚC	CSSKSS				4.3	7.73	8	7.93	8.33	7.4	8.07	8.47	8.47	8.37	8.33	8.33	8.43	8.53				14
LÔ THỊ HOA	CSSKSS																					0
NGUYỄN THỊ THU GIANG	CSSKSS																					0
VŨ Y XŨ	CSSKSS	8.7	8.53	8.6	8.47			8.47	8.8	8.63	8.63	8.43	8.73			8.73	4.67	8.73	8.77	8.73	8.77	16
CAO THỊ MINH HIỂN	CSSKSS	8.27	4.9	3.9	8.3	8.27	3.5		8.23	8.43	8.4	8.23	8.47	8.43	4.6	8.33	8.43	8.47	8.37	8.33	8.43	19
LÔ VĂN HẢI	CSSKSS	8.6	8.43	8.3	8.4	4.6	3.43	8.33	8.57					5.33	8.6	8.57	8.43	8.57	8.57	8.27	8.5	16
VI THỊ CHUYÊN	CSSKSS	8.27	8.77	8.37	8.3	8.37	8.33	8.2	8.33	8.37	4.07			8.5	8.43	8.57	8.33	8.5	8.7	8.47	8.8	18
VI THỊ UYÊN	CSSKSS	4.2	5.53		8.5	4.67		8.73	3.07	4.63	8.53	8.43	8.47									10
NGÔ THỊ DUYỄN	CSSKSS							8.5	7.9	8.43	8.37	8.17	8.5	8.27	5.5	8.63	8.27	8.5	8.7	8.33	4.77	14
VY THỊ COÓNG	CSSKSS	8.43	8.5	8.7	8.47	8.13	8.7	4.97	8.4	8.53	8.7	4.57	8.5	8.73	8.53	8.87		8.63	8.63	8.73	8.9	19
Khoa CSSKSS Count		13																				
VŨ Y ĐĨA	K Lây	7.93	8.17	8.17	8.5	7.73	8.8	8.1	9.33	3.1	8.23	8.17	5.7	8.77	8.6	8.57	8.47	8.43	9.2	8.6	8.57	20
NỘC VĂN HẰNG	K Lây	8.53	8.57	8.57	8.53	8.53	8.6	8.57	8.6	8.47	3.43	8.53	8.7	8.7	8.67	5.57	8.63	8.67	8.97	8.6	8.7	20
NGUYỄN BẢO TRUNG	K Lây	8.37	8.43	8.37	8.3	8.6	8.37	8.33	8.37	8.3	8.37	8.4	8.47	8.8	5.5	8.63	8.77	8.57	8.6	8.57	8.4	20
NGUYỄN THỊ KIM LÂM	K Lây	8.8		8.47	8.53	8.37	8.4		8.43	8.3	8.33	8.3		8.63	5.43	8.97		8.47	8.53	8.47	8.4	16
LÊ THỊ THÚY	K Lây																					0
VÕ THỊ HỒ	K Lây	8.47	8.4	8.53	8.47	8.4	8.43	8.33	8.57	8.5	8.57	8.4	8.83	8.53	5.63			8.87	8.7	8.7	8.73	18
LÊ THỊ THU PHƯƠNG	K Lây					8.4	8.33	8.53	8.4	8.23	8.4	8.43	9.13	8.6	8.5	8.63	8.77	8.63	8.53	8.87		15
LA THỊ LƯƠNG	K Lây	4.77	8.03	8.37	8.2	8.13	8.23	8.27	8.23	8.3	8.93	8.4	8.63		5.73	8.47	8.57	8.73	8.57	8.6	8.33	19
ỐC THỊ CHIẾN	K Lây	8.5	8.23	8.63	8.4	8.47	8.43	8.47	8.57	7.8	8.5	3.27	8.5	8.77	5.4	8.77	4.73	8.6	8.6	8.57	5.53	20
Khoa Lây Count		9																				
MOONG THỊ CHẮN	HSCC	8.3	8.37	8.4	4.6	8.33	8.4	8.4	8.37	8.43	8.4	8.33	8.4	8.67		8.67	8.5	8.53	8.5	8.63	8.53	19
VŨ BÁ NHÌA	HSCC	8.43	8.43	8.57	8.4	4.73	8.43		8.37	3.1	5.27	8.47	8.37	4.93	5.63	8.47	4.87	8.47	8.47	8.4	8.47	19
LƯƠNG THỊ NGỌC	HSCC	4.43	8.2	8.4	8.67	8.37	8.23	8.4	8.3	8.37	8.33	8.27	8.47		8.5	8.53	8.4	8.47	4.47		8.53	18
XEO THỊ MÂY	HSCC																					0
NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	HSCC						8.4	8.33	8.4	8.33	8	8.37			8.53	8.4	8.53	8.57	8.23	8.37	8.5	13
LÔ VĂN CHÔM	HSCC	8.17	8.47	8.33	8.23	8.07	8.3	4.03	8.37	8.53	7.7	4.4	8.5	8.53	5.23	8.7	4.47	8.6	8.53	8.43	8.47	20
LÊ THI HƯƠNG LY	HSCC																					0
HỒ HỒNG HẢI	HSCC	8.1	8.13	8.17	8.27	5.4	8.03	5.37	8.23		8.23	8.2		8.17	8.3	8.3	8.2	8.4	8.27	8.4	8.4	18
KHA THI MY LY	HSCC	8.17	8.23	8.23	8.27	8.23	8.33	8.03	8.33	8.27	8.3	8.3	8.3	8.43	8.67	8.47	8.4	8.4	8.43	8.57	8.33	20

